

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/ST-HNGĐ
Ngày 26 tháng 6 năm 2024
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Đặng Huyền Sâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị H** – Sinh năm: 1986

Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Lưu Quang T** – Sinh năm: 1990

Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Bà Trần Thị D – Sinh năm: 1968 - Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An (Mẹ đẻ của anh Lưu Quang T) – Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:*

Chị Ngô Thị H và anh Lưu Quang T kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Mặc dù, vợ chồng đã nói chuyện với nhau nhiều lần để hòa hợp nhưng vẫn không hòa hợp được nên vợ chồng đã thống nhất ly hôn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Lưu Thị Bình P – sinh ngày: 30/6/2011 và Lưu Quang N – sinh ngày: 26/11/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, mỗi người nuôi 1 con. Nay ly hôn, vợ chồng thỏa thuận, chị H nuôi con Lưu Quang N, anh T nuôi con Lưu Thị Bình P, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lưu Quang T vắng mặt, nhưng thông qua bà Trần Thị D thì anh T có ý kiến là: Anh T đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị H; Về con chung: Anh T thống nhất: Chị H nuôi con Lưu Quang N, anh T nuôi con Lưu Thị Bình P, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T đi làm ăn xa không về giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Lưu Thị Bình P và cháu Lưu Quang N khai: Cháu Lưu Thị Bình P có nguyện vọng ở với bố Lưu Quang T; Cháu Lưu Quang N có nguyện vọng ở với mẹ Ngô Thị H.

- Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Trần Thị D vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà D đã khai:

Anh Lưu Quang T là con trai của bà D, còn chị H là con dâu. Anh T và chị H kết hôn vào năm 2010, có 02 người con chung. Đến năm 2019, vợ chồng bắt đầu quan điểm và đã sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù, đã bàn bạc để cho hai con đoàn tụ nhưng các con vẫn không hòa hợp được nên vợ chồng đã thống nhất ly hôn. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T bận đi làm ăn trong miền Nam nên không về được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, bà D nhận và đã thông báo lại cho anh T biết. Nên anh T cũng đồng ý ly hôn, về con chung, chị H và anh T có 02 người con chung là Lưu Thị Bình P và Lưu Quang N. Nay ly hôn, anh T thống nhất: Chị H nuôi cháu Lưu Quang N, anh T nuôi cháu Lưu Thị Bình P. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T đi làm ăn xa không về được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

- Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra và xét xử nhưng có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng thông qua người thân là mẹ đẻ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016: Xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Lưu Quang T; Về nuôi con chung: Giao con chung là Lưu Thị Bình P – Sinh ngày 30/6/2011 cho anh Lưu Quang T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Lưu Quang N – Sinh ngày 26/11/2013 cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị H và anh Lưu Quang T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu; Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án xác định, bị đơn là anh Lưu Quang T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị H có đơn yêu cầu không hòa giải nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An không tiến hành hòa giải. Anh Lưu Quang T vắng mặt tại địa P, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu ly hôn giữa chị H và anh T cho bà Trần Thị D là mẹ của anh T và bà D đã báo lại cho anh T biết. Mặc dù, anh T biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh T không về và không cung cấp địa chỉ cư trú và nơi làm việc cho chị H và Tòa án biết. Tại phiên tòa, dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Lưu Quang T kết hôn với nhau vào năm 2010 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND

xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 con chung, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, không hòa giải được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại địa P, mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu cho anh T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để giải quyết. Thông qua bà Trần Thị D, anh T đồng ý ly hôn với chị H. Việc anh T không có mặt để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định là có căn cứ.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, cùng nhau chăm lo cuộc sống, nuôi con trưởng thành. Tuy nhiên, giữa chị H và anh T đã sống ly thân nhiều năm, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T là chấp nhận ly hôn với chị H.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng chị Ngô Thị H và anh Lưu Quang T có 02 con chung là Lưu Thị Bình P – sinh ngày: 30/6/2011 và Lưu Quang N – sinh ngày: 26/11/2013. Nay ly hôn, chị H và anh T thống nhất, chị H nuôi con Lưu Quang N, anh T nuôi con Lưu Thị Bình P nên cần chấp nhận ý kiến của các đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ:* Chị Ngô Thị H và anh Lưu Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về án phí:* Chị Ngô Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228;

khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Ngô Thị H được ly hôn với anh Lưu Quang T.

* **Về nuôi con chung:**

Giao con chung là Lưu Thị Bình P, sinh ngày 30/6/2011 cho anh Lưu Quang T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Giao con chung là Lưu Quang N, sinh ngày 26/11/2013 cho chị Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

* **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Ngô Thị H và anh Lưu Quang T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

* **Về án phí:** Chị Ngô Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 00007886 ngày 13/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

* **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã H, huyện H (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

